

ĐÁNH GIÁ CỦA SINH VIÊN VỀ CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH HỌC NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN TRƯỜNG CAO ĐẲNG KIÊN GIANG

Trương Trí Thông¹, Nguyễn Văn Tuấn Vũ², Nguyễn Thị Tường Vi³

STUDENT'S EVALUATION ON FACTORS INFLUENCING DECISIONS OF MAJORING IN HOTEL MANAGEMENT AT KIEN GIANG COLLEGE

Truong Tri Thong¹, Nguyen Van Tuan Vu², Nguyen Thi Tuong Vi³

Tóm tắt – Xác định và đánh giá các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn ngành nghề có ý nghĩa quan trọng đối với sự tồn tại và phát triển của trường học. Mục tiêu của nghiên cứu này tập trung xác định các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định học ngành Quản trị Khách sạn của sinh viên Trường Cao đẳng Kiên Giang và phân tích mức độ ảnh hưởng của từng nhân tố đó đến quyết định của sinh viên. Kết quả nghiên cứu cho thấy có 04 nhân tố ảnh hưởng đến quyết định học ngành Quản trị Khách sạn của sinh viên Trường Cao đẳng Kiên Giang theo thứ tự giảm dần là: (1) sở thích, năng lực cá nhân và cơ hội việc làm; (2) danh tiếng trường học; (3) lợi ích học tập; và (4) chính sách hỗ trợ và cơ hội liên thông. Từ đó, một số khuyến nghị được đề xuất nhằm thu hút sinh viên học ngành Quản trị Khách sạn tại Trường Cao đẳng Kiên Giang nhiều hơn trong thời gian tới.

Từ khóa: các nhân tố ảnh hưởng, sự lựa chọn ngành học, quản trị khách sạn, Trường Cao đẳng Kiên Giang.

Abstract – The factors influencing students' decisions during the selection of a subject major is important for the develop-

ment of colleges in Vietnam. This study aims to address the factors impacting the choices of students to select the 'Hotel Management' major, at Kien Giang College, Vietnam, and analyze the influence level of each factor. The results confirm four factors that impact the decisions of students studying the major in Hotel Management at Kien Giang College, which are: (1) Hobbies, previously acquired skills, and the availability of jobs in the current job market; (2) The prestige of the college; (3) The benefit of studying; and (4) Sponsor policies and the opportunity to enhance the students' livelihoods. Based on the outcome, this study also provides further suggestions to attract more students to major in hotel management at Kien Giang College in the future.

Keywords: influencing factors, choice of major, hotel management, Kien Giang College.

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong những năm gần đây, số lượng công trình nghiên cứu về các yếu tố ảnh hưởng đến việc chọn trường và ngành học của người học xuất hiện ngày càng nhiều và trở nên nổi bật. Điều này là do tác động của sự thay đổi phương thức tuyển sinh trên khắp cả nước vào năm 2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, với mục đích tăng tính tự chủ cho các cơ sở đào tạo đại học và cao đẳng, cũng như đáp ứng yêu cầu về đổi mới giáo dục trong bối

^{1,2,3}Khoa Du lịch, Trường Cao đẳng Kiên Giang

Ngày nhận bài: 09/6/2019; Ngày nhận kết quả bình duyệt: 03/7/2019; Ngày chấp nhận đăng: 20/8/2019

Email: ttthong@kgc.edu.vn

^{1,2,3}Faculty of Tourism, Kien Giang College

Received date: 09th June 2019 ; Revised date: 03rd July 2019; Accepted date: 20th August 2019

cảnh hiện đại. Theo đó, các cơ sở đào tạo sẽ được phép tuyển sinh dựa trên kết quả của kì thi tốt nghiệp trung học phổ thông quốc gia và xét tuyển dựa theo đề án tuyển sinh riêng của từng trường. Phương thức tuyển sinh mới này vừa đem lại thuận lợi vừa đem lại không ít những khó khăn cho các trường đại học và cao đẳng, nhất là xu hướng cạnh tranh giữa các trường với nhau. Để thu hút người học và tuyển đủ chỉ tiêu đặt ra hằng năm, các cơ sở đào tạo đòi hỏi phải nâng cao chất lượng của đội ngũ giảng dạy, thay đổi mức học phí phù hợp, nâng cao uy tín của thương hiệu nhà trường, cơ sở hạ tầng và vật chất phục vụ học tập phải được đổi mới và đầu tư... , đặc biệt hơn là cần có những phương án và chiến lược trong công tác hướng nghiệp, tuyển sinh có hiệu quả, bởi vì công tác hướng nghiệp và tuyển sinh là một nhiệm vụ rất quan trọng, là yếu tố quyết định đến sự tồn tại và phát triển của nhà trường. Để cơ sở đào tạo có thể xây dựng cũng như đưa ra được các chiến lược và chính sách hướng nghiệp, tuyển sinh phù hợp và đạt hiệu quả cao, chúng ta cần biết người học lựa chọn trường, ngành học thường xem xét và chịu sự tác động của những nhân tố nào. Khoa Du lịch, Trường Cao đẳng Kiên Giang (CĐKG) mỗi năm thu hút hàng trăm người học đến tư vấn và đăng kí xét tuyển với các chuyên ngành khác nhau từ bậc trung cấp chuyên nghiệp đến bậc cao đẳng chính quy. Trong đó, ngành Quản trị Khách sạn nhận được sự quan tâm nhiều nhất với số lượng người học tăng khá cao và ngày càng có hình ảnh trên địa bàn tỉnh cũng như khu vực Đồng bằng sông Cửu Long; cụ thể, ngành Quản trị Khách sạn khóa 11 (tuyển sinh năm học 2017) có 70 sinh viên theo học và khóa 12 (tuyển sinh năm 2018) tăng lên là 160 sinh viên. Tuy nhiên, điều gì giúp cơ sở đào tạo ngành này có sức hút đối với người học như vậy đến nay vẫn chưa được nghiên cứu kĩ, dẫn đến nhà trường chưa có thông tin và cơ sở khoa học để có những chính sách và quyết định phù hợp trong công tác hướng nghiệp, tuyển sinh, nâng cao các vấn đề liên quan đến việc đào tạo và hình ảnh của nhà trường.

Xuất phát từ thực tế và mong muốn cung cấp những cơ sở khoa học, nghiên cứu được

thực hiện với mục đích phân tích và đánh giá các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định học ngành Quản trị Khách sạn của sinh viên Trường CĐKG; qua đó, kết quả nghiên cứu giúp các bên liên quan có thêm thông tin để đưa ra chính sách nhằm góp phần nâng cao hiệu quả trong việc thu hút sinh viên, nâng cao thương hiệu của nhà trường, Khoa Du lịch nói chung và ngành Quản trị Khách sạn nói riêng vào thời gian tới.

II. TỔNG QUAN NGHIÊN CỨU

Việc lựa chọn trường đại học, cao đẳng cũng như ngành nghề học là rất quan trọng đối với học sinh, sinh viên; sự lựa chọn đó có thể chịu tác động bởi nhiều yếu tố khác nhau từ bên trong và bên ngoài. Lựa chọn ngành học xuất phát từ việc nghiên cứu về lựa chọn trường học của học sinh và đi đầu trong nghiên cứu về đối tượng này là tác giả Chapman [1] với công trình nghiên cứu đề xuất mô hình tổng quát về việc lựa chọn trường đại học của học sinh. Ở nghiên cứu này, Chapman đã đưa ra kết quả có hai nhóm yếu tố ảnh hưởng đến quyết định chọn trường đại học của học sinh. Thứ nhất là đặc điểm của gia đình và cá nhân học sinh. Và thứ hai là một số yếu tố bên ngoài ảnh hưởng cụ thể như các cá nhân ảnh hưởng, các đặc điểm của trường đại học và nỗ lực giao tiếp của trường đại học với các học sinh. Từ kết quả nghiên cứu của Chapman vào năm 1981, nhiều nghiên cứu khác vận dụng, kế thừa và phát triển trên mô hình của mình để nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn trường đại học, cao đẳng của học sinh cũng như việc lựa chọn ngành học của sinh viên và kết quả cũng giống với kết quả của Chapman [2], [3].

Trần Văn Quý và Cao Hào Thi [4] với nghiên cứu xác định các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định chọn trường đại học của học sinh phổ thông trung học. Nghiên cứu khảo sát 227 học sinh lớp 12 thuộc niên khóa 2008 – 2009 của năm trường trung học phổ thông tại Quảng Ngãi bằng bảng hỏi. Kết quả cho thấy có năm yếu tố ảnh hưởng đến quyết định chọn trường đại học bao gồm: cơ hội việc làm

trong tương lai, đặc điểm của trường đại học, bản thân cá nhân học sinh, cá nhân có ảnh hưởng đến quyết định của học sinh và thông tin có sẵn ảnh hưởng đến quyết định chọn trường đại học.

Lưu Thị Thái Tâm và cộng sự [5] thực hiện nghiên cứu với mục đích xác định và đánh giá mức độ tác động của các yếu tố then chốt đến quyết định chọn trường đại học của học sinh lớp 12 tại các trường trung học phổ thông tại địa bàn thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Dữ liệu được thu thập từ bảng hỏi phỏng vấn định lượng với số lượng mẫu là 330 học sinh. Kết quả phân tích cho thấy có bốn yếu tố tác động đến việc chọn trường đại học là cơ hội việc làm trong tương lai, sự tương thích với đặc điểm cá nhân, sự định hướng của các cá nhân có ảnh hưởng, cơ hội trúng tuyển, đặc điểm trường đại học. Thêm vào đó, kết quả phân tích còn cho thấy rằng có sự khác biệt trong việc quyết định chọn trường của học sinh nữ và học sinh nam.

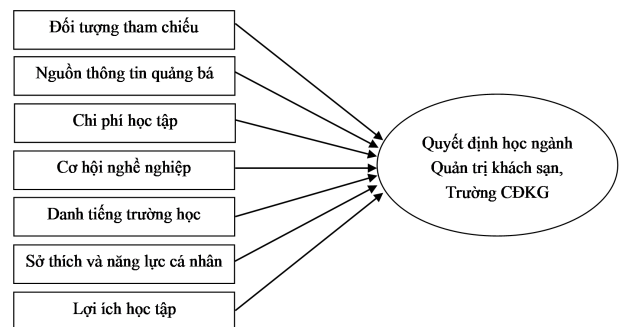
Nguyễn Thị Lan Hương [6] nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến động cơ chọn ngành Quản trị Doanh nghiệp của sinh viên Trường Cao đẳng Kinh tế – Kế hoạch Đà Nẵng. Nghiên cứu được tác giả sử dụng bảng hỏi khảo sát thông qua ý kiến của 400 sinh viên với năm thang đo là đặc điểm cá nhân, đào tạo liên thông, kiến thức ngành, đối tượng tham chiếu, cơ hội nghề nghiệp. Kết quả phân tích hồi quy tuyến tính bội cho thấy có ba yếu tố tác động đến động cơ chọn ngành Quản trị Doanh nghiệp là đào tạo liên thông, cơ hội nghề nghiệp và đối tượng tham chiếu.

Để đánh giá các yếu tố ảnh hưởng đến sự lựa chọn ngành nghề của sinh viên hệ cao đẳng – Trường Cao đẳng Nghề Công nghiệp Hà Nội, Lê Thị Thanh [7] đã nghiên cứu về vấn đề này. Nghiên cứu của tác giả chỉ ra bảy yếu tố bao gồm: bản thân sinh viên, người thân, các mối quan hệ cộng đồng ngoài xã hội, thông tin đại chúng, cơ hội nghề nghiệp, nhu cầu thị trường, trường mà các sinh viên đã chọn.

Tương tự như thế, Lê Thị Minh Trúc [8] đã thực hiện nghiên cứu cụ thể đối với việc chọn học ngành Nông Lâm Ngư nghiệp, Trường Đại học Nông Lâm Thành phố Hồ Chí Minh.

Nghiên cứu của tác giả cho thấy các yếu tố ảnh hưởng đến việc chọn học ngành Nông Lâm Ngư nghiệp gồm: sở thích cá nhân, năng lực cá nhân, gia đình, nhà trường (trường trung học phổ thông nơi bạn học), đặc điểm trường, ngành học đã lựa chọn, nhu cầu xã hội và cơ hội việc làm sau khi tốt nghiệp. Bên cạnh đó, Phan Thị Thanh Thủy và Nguyễn Thị Minh Hòa [9] đã nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định chọn theo học chương trình đào tạo có yếu tố nước ngoài ở Trường Đại học Kinh tế, Đại học Huế. Kết quả nghiên cứu của Phan Thị Thanh Thủy và Nguyễn Thị Minh Hòa cho thấy có bảy nhân tố ảnh hưởng đến quyết định, bao gồm: nhóm tham khảo, sự phù hợp với sở thích và năng lực cá nhân, danh tiếng của chương trình đào tạo có yếu tố nước ngoài, lợi ích học tập, cơ hội nghề nghiệp, chi phí học tập, công tác truyền thông của Đại học Kinh tế ở Huế. Qua kết quả nghiên cứu, nhóm tác giả đề xuất một số giải pháp.

Thông qua mô hình nghiên cứu và thang đo của các công trình trước đó, nghiên cứu này dựa trên sự kế thừa các lý thuyết và phát triển thêm nhằm đưa ra mô hình nghiên cứu về các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định học ngành Quản trị Khách sạn của sinh viên Trường CĐKG, mô hình bao gồm bảy nhân tố như sau:



Hình 1: Mô hình nghiên cứu

(Nguồn: Nhóm nghiên cứu đề xuất, 2019)

III. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Nghiên cứu sử dụng bảng hỏi để thu thập dữ liệu sơ cấp. Do số lượng sinh viên ngành

Bảng 1: Tổng hợp nguồn thang đo của nghiên cứu

STT	Thang đo	Nguồn
1	Đối tượng tham chiếu	Chapman [1], Cabrera và La Nasa [2], Burns [3], Nguyễn Thị Lan Hương [6], Lê Thị Thanh [7], Lê Thị Minh Trúc [8], Phan Thị Thanh Thủy và Nguyễn Thị Minh Hòa [9]
2	Nguồn thông tin quảng bá	Trần Văn Quý và Cao Hào Thi [4], Lê Thị Thanh [7], Phan Thị Thanh Thủy và Nguyễn Thị Minh Hòa [9]
3	Chi phí học tập	Phan Thị Thanh Thủy và Nguyễn Thị Minh Hòa [9]
4	Cơ hội nghề nghiệp	Trần Văn Quý và Cao Hào Thi [4], Lưu Thị Thái Tâm và cộng sự [5], Nguyễn Thị Lan Hương [6], Lê Thị Minh Trúc [8], Phan Thị Thanh Thủy và Nguyễn Thị Minh Hòa [9]
5	Danh tiếng trường học	Chapman [1], Cabrera và La Nasa [2], Burns [3], Trần Văn Quý và Cao Hào Thi [4], Lưu Thị Thái Tâm và cộng sự [5], Phan Thị Thanh Thủy và Nguyễn Thị Minh Hòa [9]
6	Sở thích và năng lực cá nhân	Chapman [1], Cabrera và La Nasa [2], Burns [3], Trần Văn Quý và Cao Hào Thi [4], Lưu Thị Thái Tâm và cộng sự [5], Lê Thị Thanh [7], Lê Thị Minh Trúc [8], Phan Thị Thanh Thủy và Nguyễn Thị Minh Hòa [9]
7	Lợi ích học tập	Phan Thị Thanh Thủy và Nguyễn Thị Minh Hòa [9]
8	Quyết định học ngành Quản trị Khách sạn	Nguyễn Thị Lan Hương [6], Lê Thị Thanh [7], Lê Thị Minh Trúc [8], Phan Thị Thanh Thủy và Nguyễn Thị Minh Hòa [9]

(Nguồn: Nhóm nghiên cứu tổng hợp, 2019)

Quản trị Khách sạn có sự chênh lệch nhau giữa các khóa nên phương pháp chọn mẫu thuận tiện được sử dụng trong nghiên cứu này. Mẫu nghiên cứu bao gồm 168 sinh viên đang theo học ngành Quản trị Khách sạn, Trường CĐKG; trong đó, khóa 11 là 54 sinh viên và khóa 12 là 114 sinh viên. Thời gian thu thập dữ liệu được tiến hành từ tháng 2 đến tháng 3 năm 2019. Dữ liệu sơ cấp sau khi thu thập được sẽ tiến hành phân tích bằng phần mềm SPSS 20.0 với các phương pháp như sau:

(1) Phương pháp thống kê mô tả (dưới dạng giá trị trung bình) được dùng để đo lường mức độ ảnh hưởng của các nhân tố đến quyết định học ngành Quản trị Khách sạn, Trường CĐKG thông qua đánh giá của sinh viên. Với thang đo Likert 5 mức độ, giá

trị trung bình từng mức độ sẽ là: mức độ 1 (1,00 – 1,80 = rất không ảnh hưởng); mức 2 (1,81 – 2,60 = không ảnh hưởng); mức 3 (2,61 – 3,40 = bình thường/không phải không ảnh hưởng cũng không phải ảnh hưởng); mức 4 (3,41 – 4,20 = ảnh hưởng); mức 5 (4,21 – 5,00 = rất ảnh hưởng).

(2) Phương pháp đánh giá độ tin cậy của thang đo được sử dụng để đánh giá độ tin cậy của các thang đo và biến quan sát trong nghiên cứu có phù hợp hay không trước khi đưa vào phân tích nhân tố khám phá. Để tính Cronbach's Alpha cho một thang đo phải có tối thiểu là ba biến đo lường, hệ số Cronbach's Alpha có giá trị biến thiên trong khoảng [0,1] [10]. Nhiều nghiên cứu cũng đồng ý rằng khi Cronbach's Alpha từ 0,8 trở lên đến gần 1,0 thì thang đo lường là tốt, từ

0,7 đến gần 0,8 là sử dụng được [10]. Ngoài ra, đối với biến đo lường đảm bảo độ tin cậy khi có hệ số tương quan biến – tổng $\geq 0,3$ (Nunnally & Bernstein, 1994; trích bởi [11]).

(3) Phương pháp phân tích nhân tố khám phá được sử dụng để xác định những nhân tố ảnh hưởng đến quyết định học ngành Quản trị Khách sạn của sinh viên Trường CĐKG. Để phân tích nhân tố khám phá, trước tiên cần phải đánh giá độ tin cậy của từng thang đo, xem thang đo nào tin cậy và loại những thang đo không tin cậy (hệ số tương quan biến - tổng $\geq 0,3$). Dùng kiểm định KMO và Bartlett để kiểm định mức độ thích hợp của các biến đã đánh giá độ tin cậy trước khi chính thức tiến hành phân tích nhân tố khám phá. Theo Hoàng Trọng và Chu Nguyễn Mộng Ngọc [10], nếu kiểm định Bartlett có giá trị Sig. $> 0,05$ (không có ý nghĩa thống kê) thì không nên áp dụng phân tích nhân tố khám phá. Ngoài ra, Kaiser (1974; trích bởi [11]) cho rằng KMO $\geq 0,9$: rất tốt, KMO $\geq 0,8$: tốt, KMO $\geq 0,7$: được, KMO $\geq 0,6$: tạm được, KMO $\geq 0,5$: xấu; KMO $< 0,5$: không thể chấp nhận được. Bên cạnh đó, tổng phương sai giải thích ở bảng Total Variance Explained $> 50\%$ [12]. Dựa vào bảng ma trận nhân tố sau khi xoay để xác định số lượng nhân tố. Khi xác định được các nhân tố ảnh hưởng sẽ tiến hành đặt tên cho các nhân tố mới vừa tìm được.

(4) Phương pháp hồi quy tuyến tính đa biến: Phương pháp này được dùng để xác định nhân tố nào tác động đến biến phụ thuộc và mức độ ảnh hưởng của từng nhân tố đến quyết định học ngành Quản trị Khách sạn của sinh viên Trường CĐKG. Để mô hình hồi quy tuyến tính có ý nghĩa, chúng ta cần thỏa mãn các điều kiện: $0 \leq$ hệ số R^2 hiệu chỉnh ≤ 1 [13]; hệ số Sig. của kiểm định F và kiểm định $t \leq 0,05$ và hệ số khuếch đại phương sai VIF < 10 [14], mô hình hồi quy thích hợp. Phương trình hồi quy tuyến tính đa biến có dạng: $Y = \alpha + \beta_1 X_1 + \beta_2 X_2 + \beta_3 X_3 + \dots + \beta_n X_n + u_i$. Trong đó, Y là biến phụ thuộc, α là hệ số tự do, β là hệ số biến, X là biến độc lập và u_i là sai số.

IV. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

A. Các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định học ngành Quản trị Khách sạn của sinh viên Trường Cao đẳng Kiên Giang

Để tiến hành xác định các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định học ngành Quản trị Khách sạn của sinh viên Trường CĐKG, nghiên cứu thực hiện phương pháp phân tích nhân tố khám phá. Để tiến hành phân tích nhân tố khám phá, các tiêu chí và biến quan sát được đánh giá bằng hệ số Cronbach's Alpha. Sau khi đánh giá bảy tiêu chí với 34 biến quan sát, có một biến bị loại do có hệ số tương quan biến-tổng $< 0,3$. Như vậy, còn lại 33 biến quan sát đảm bảo độ tin cậy và đủ điều kiện để phân tích nhân tố khám phá (Bảng 2).

Dùng kiểm định KMO và Bartlett để kiểm định mức độ thích hợp của các biến đã đánh giá độ tin cậy trước khi chính thức tiến hành phân tích nhân tố khám phá. Sau khi kiểm định KMO và Bartlett, chỉ số của dữ liệu nghiên cứu = 0,855 (chỉ số KMO tốt) và kiểm định Bartlett có giá trị Sig. = 0,000 ($< 0,05$) (Bảng 3). Vậy dữ liệu này đủ điều kiện để phân tích nhân tố khám phá.

Theo Hair et al. [15], hệ số tải nhân tố $\geq 0,3$ là mức tối thiểu; hệ số tải nhân tố $\geq 0,4$ là quan trọng; hệ số tải nhân tố $\geq 0,5$ là có ý nghĩa thực tiễn. Do đó, để có ý nghĩa thực tiễn, nghiên cứu sử dụng hệ số tải nhân tố $\geq 0,5$. Sau khi phân tích, có bốn biến quan sát bị loại vì hệ số tải nhân tố $< 0,5$ (CHNN3, TTQB4, LIHT3 và TTQB1). Ngoài ra, tổng phương sai giải thích ở bảng Total Variance Explained = 66,369% ($> 50\%$); dựa vào bảng Total Variance Explained cho biết có bảy nhân tố ảnh hưởng và cột Cumulative % (% tích lũy) cho biết có bảy nhân tố giải thích được 66,369% biến thiên của dữ liệu. Dựa vào bảng ma trận điểm số nhân tố (Bảng 4) ta có thể kết luận, có bảy nhân tố ảnh hưởng đến quyết định học ngành Quản trị Khách sạn của sinh viên Trường CĐKG.

Nhân tố 1 gồm sáu biến: DTTH3 (danh tiếng về chương trình đào tạo ngành Quản trị Khách sạn của trường), DTTH1 (giảng viên có danh tiếng, phẩm chất tốt), DTTH5 (đánh

Bảng 2: Hệ số Cronbach's Alpha của thang đo

Tiêu chí	Biến đặc trưng	Biến bị loại	Cronbach's Alpha	Hệ số tương quan biến-tổng
Đối tượng tham chiếu	5	DTTC5	0,712	0,459 → 0,569
Nguồn thông tin quảng bá	5		0,691	0,311 → 0,506
Chi phí học tập	4		0,720	0,401 → 0,669
Cơ hội nghề nghiệp	3		0,621	0,325 → 0,528
Danh tiếng của trường	6		0,905	0,622 → 0,794
Sở thích và năng lực cá nhân	4		0,866	0,659 → 0,795
Lợi ích học tập	7		0,856	0,504 → 0,717

(Nguồn: Kết quả khảo sát năm 2019, n=168)

Bảng 3: Kiểm định KMO and Bartlett

Kiểm định KMO và Bartlett's Test	
Kaiser-Meyer-Olkin	.855
Measure of Sampling Adequacy.	
	Approx.
	2445.384
Bartlett's Test of Sphericity	Chi-Square
	Df
	406
	Sig.
	.000

(Nguồn: Kết quả khảo sát năm 2019, n=168)

giá cao của nhà tuyển dụng về bằng cấp của cơ sở đào tạo), DTTH2 (đội ngũ giảng viên có chất lượng), DTTH4 (chương trình đào tạo ngành Quản trị Khách sạn của trường có uy tín) và DTTH6 (sinh viên đã và đang theo học chương trình Quản trị Khách sạn của trường có năng lực tốt). Nhân tố này được đặt tên là “danh tiếng trường học”.

Nhân tố 2 gồm sáu biến: STNL1 (ngành Quản trị Khách sạn phù hợp với năng lực bản thân), STNL3 (ngành Quản trị Khách sạn phù hợp với tính cách của bản thân), STNL2 (ngành Quản trị Khách sạn phù hợp với sở thích bản thân), STNL4 (điểm đầu vào của ngành phù hợp với năng lực bản thân), CHNN1 (có nhiều công việc để lựa chọn mà ngành Quản trị Khách sạn mang lại) và CHNN2 (ngành Quản trị Khách sạn mang lại việc làm có thu nhập cao). Nhân tố này được

đặt tên là “sở thích, năng lực cá nhân và cơ hội việc làm”.

Nhân tố 3 gồm bốn biến: LIHT4 (cơ sở vật chất, thiết bị dạy-học đảm bảo), LIHT5 (cơ sở hạ tầng của cơ sở đào tạo có chất lượng), LIHT1 (vị trí của cơ sở đào tạo thuận lợi) và LIHT2 (cơ sở đào tạo có môi trường học tập tốt). Nhân tố này được đặt tên là “lợi ích học tập”.

Nhân tố 4 bao gồm bốn biến: DTTC2 (lựa chọn dựa trên đề xuất của bạn bè trung học phổ thông), DTTC1 (lựa chọn dựa trên đề xuất của người thân, gia đình), DTTC3 (lựa chọn dựa trên đề xuất của người đã và đang học ngành Quản trị Khách sạn ở Trường CĐKG trong thời điểm tuyển sinh) và DTTC4 (lựa chọn dựa trên đề xuất của giáo viên trung học phổ thông). Nhân tố này được đặt tên là “đối tượng tham chiếu”.

Nhân tố 5 gồm bốn biến: CPHT1 (có chương trình học bổng khuyến khích học tập), CPHT2 (có chương trình hỗ trợ tài chính), LIHT7 (có cơ hội liên thông sau khi tốt nghiệp) và LIHT6 (có chính sách hỗ trợ người dân tộc thiểu số). Nhân tố này được đặt tên là “chính sách hỗ trợ và cơ hội liên thông”.

Nhân tố 6 gồm ba biến: TTQB2 (đọc thông tin trên website), TTQB3 (đọc thông tin trên mạng xã hội) và TTQB5 (xem thông tin trên truyền hình). Nhân tố này được đặt tên là “thông tin quảng bá”.

Nhân tố 7 gồm có hai biến: CPHT3 (cơ

Bảng 4: Ma trận điểm số nhân tố

Biến đo lường	Nhân tố						
	1	2	3	4	5	6	7
DTTH3	0,280						
DTTH1	0,259						
DTTH5	0,272						
DTTH2	0,233						
DTTH4	0,208						
DTTH6	0,232						
STNL1		0,253					
STNL3		0,251					
STNL2		0,245					
STNL4		0,208					
CHNN1		0,253					
CHNN2		0,200					
LIHT4			0,333				
LIHT5			0,301				
LIHT1			0,324				
LIHT2			0,263				
DTTC2				0,387			
DTTC1				0,344			
DTTC3				0,323			
DTTC4				0,273			
CPHT1					0,380		
CPHT2					0,311		
LIHT7					0,344		
LIHT6					0,290		
TTQB2						0,448	
TTQB3						0,438	
TTQB5						0,345	
CPHT4							0,475
CPHT3							0,455

(Nguồn: Kết quả khảo sát năm 2019, n=168)

cầu học phí phù hợp) và CPHT4 (chi phí sinh hoạt phù hợp). Nhân tố này được đặt tên là “chi phí học tập và sinh hoạt”.

Để khẳng định các nhân tố thực sự ảnh hưởng và cường độ ảnh hưởng của các nhân tố đối với quyết định học ngành Quản trị Khách sạn, Trường CĐKG, phân tích hồi quy tuyến tính đa biến được sử dụng. Kết quả phân tích cho thấy, dữ liệu thích hợp cho phân tích hồi quy bởi nó thỏa mãn ba điều kiện ở phía trên đã đề cập: R^2 hiệu chỉnh = 0,310, giá trị Sig. của phân tích phương sai = 0,000 và VIF của các nhân tố < 2.

Bảng hệ số (Bảng 5) cho thấy, có bốn nhân tố ảnh hưởng đến quyết định học ngành Quản trị Khách sạn, Trường CĐKG là: F1 (“đanh tiếng trường học”), F2 (“sở thích, năng lực cá nhân và cơ hội việc làm”), F3 (“lợi ích học tập”) và F5 (“chính sách hỗ trợ và cơ hội liên thông”).

Bảng 5: Kết quả phân tích hồi quy tuyến tính đa biến

Mô hình	Hệ số (B)	Hệ số (Beta)	T	Sig.	VIF
Hằng số	-5,420		0,000	1,000	
F1	0,305	0,305	4,745	0,000	1,000
F2	0,436	0,436	6,788	0,000	1,000
F3	0,175	0,175	2,719	0,007	1,000
F4	0,104	0,104	1,614	0,109	1,000
F5	0,114	0,114	1,768	0,079	1,000
F6	0,021	0,021	0,322	0,748	1,000
F7	0,036	0,036	0,568	0,571	1,000

(Nguồn: Kết quả khảo sát năm 2019, n=168)

Phương trình hồi quy tuyến tính như sau:

$$Y = -5,420 + 0,305F1 + 0,436F2 + 0,175F3 + 0,104F4 + 0,114F5 + 0,021F6 + 0,036F7 + u_i$$

F1 có hệ số là 0,305 và quan hệ cùng chiều với sự quyết định học ngành Quản trị Khách sạn, Trường CĐKG. Khi sinh viên đánh giá nhân tố “đanh tiếng trường học” tăng thêm 1 điểm thì quyết định học ngành Quản trị Khách sạn tại Trường CĐKG tăng thêm 0,305

điểm, tương ứng với hệ số tương quan chưa chuẩn hóa là 0,305. Kết quả về nhân tố “đanh tiếng trường học” này cũng giống với kết quả của Trần Văn Quý và Cao Hào Thi [4], Lưu Thị Thái Tâm và cộng sự [5], Phan Thị Thanh Thủy và Nguyễn Thị Minh Hòa [9]. Danh tiếng trường học thể hiện qua đặc điểm của nhà trường và giảng viên giảng dạy, kết quả này rất đúng với thực tế, khi lựa chọn một cơ sở đào tạo và ngành học, bản thân thí sinh cũng như gia đình đều hướng tới nơi được mọi người đánh giá có chất lượng, sự uy tín về chương trình học, bằng cấp, chất lượng giảng viên và sinh viên sau khi ra trường.

F2 có hệ số là 0,436 và quan hệ cùng chiều với sự quyết định học ngành Quản trị Khách sạn, Trường CĐKG. Khi sinh viên đánh giá nhân tố “sở thích, năng lực cá nhân và cơ hội việc làm” tăng thêm 1 điểm, quyết định học ngành Quản trị Khách sạn tại Trường CĐKG tăng thêm 0,436 điểm, tương ứng với hệ số tương quan chưa chuẩn hóa là 0,436. Nhân tố “sở thích, năng lực cá nhân và cơ hội việc làm” là một kết quả khác so với các nghiên cứu trước. Ở các kết quả nghiên cứu trước, “sở thích, năng lực cá nhân” và “cơ hội việc làm” là hai nhân tố hoàn toàn riêng biệt nhau, nhưng ở kết quả của nghiên cứu này, hai nhân tố đã gom lại thành một. Cụ thể, “sở thích, năng lực cá nhân” là nhân tố riêng biệt của các nghiên cứu [1]–[5], [7]–[9] và “cơ hội việc làm” là nhân tố riêng trong kết quả nghiên cứu [4]–[6], [8], [9].

F3 có hệ số là 0,175 và quan hệ cùng chiều với sự quyết định học ngành Quản trị Khách sạn, Trường CĐKG. Khi sinh viên đánh giá nhân tố “lợi ích học tập” tăng thêm 1 điểm, quyết định học ngành Quản trị Khách sạn tại Trường CĐKG tăng thêm 0,175 điểm, tương ứng với hệ số tương quan chưa chuẩn hóa là 0,175. Kết quả này phù hợp với nghiên cứu Phan Thị Thanh Thủy và Nguyễn Thị Minh Hòa [9], khi lựa chọn ngành, nghề và trường học, người học luôn quan tâm và lựa chọn nơi đáp ứng được những lợi ích của mình trong suốt quá trình học như về môi trường học tập, cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất, vị trí của trường học... Bởi vì, người học mong muốn lợi ích trong học tập phải được đáp ứng và

xúng đáng với chi phí và thời gian mình bỏ ra.

F5 có hệ số là 0,114 và quan hệ cùng chiều với sự quyết định học ngành Quản trị Khách sạn tại Trường CĐKG. Khi sinh viên đánh giá nhân tố “chính sách hỗ trợ và cơ hội liên thông” tăng thêm 1 điểm, quyết định học ngành Quản trị Khách sạn, Trường CĐKG tăng thêm 0,114 điểm, tương ứng với hệ số tương quan chưa chuẩn hóa là 0,114. “Nhân tố chính sách hỗ trợ và cơ hội liên thông” hoàn toàn khác so với kết quả của những nghiên cứu trước về nhân tố quyết định đến ngành học và trường học. Người học luôn quan tâm đến những chính sách hỗ trợ như tài chính, học bổng khuyến học hoặc ưu đãi dành cho dân tộc thiểu số... Đặc biệt, một số sinh viên giỏi, xuất sắc sau khi tốt nghiệp còn muốn học tiếp lên bậc đại học hoặc cao hơn ở các cấp bậc tiếp theo. Nhân tố này thường là điều thu hút nhiều nhất đối với những sinh viên hiếu học có hoàn cảnh khó khăn và dân tộc thiểu số (nhất là dân tộc Khmer).

Kết quả trên có nghĩa là “sở thích, năng lực cá nhân và cơ hội việc làm” đóng vai trò quan trọng nhất đối với quyết định học ngành Quản trị Khách sạn của sinh viên Trường CĐKG. Tầm quan trọng của các nhân tố khác theo thứ tự giảm dần là “danh tiếng trường học”, “lợi ích học tập”, “chính sách hỗ trợ và cơ hội liên thông”.

B. Đánh giá của sinh viên đối với các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định học ngành Quản trị Khách sạn, Trường Cao đẳng Kiên Giang

Theo đánh giá của sinh viên, có bốn nhân tố ảnh hưởng đến quyết định học ngành Quản trị Khách sạn, Trường CĐKG, theo thứ tự giảm dần là: (1) “sở thích, năng lực cá nhân và cơ hội việc làm”, (2) “danh tiếng trường học”, (3) “lợi ích học tập” và (4) “chính sách hỗ trợ và cơ hội liên thông”. Sau đây là đánh giá cụ thể của sinh viên đối với từng nhân tố:

Phương diện sở thích, năng lực cá nhân và cơ hội việc làm được đánh giá ở mức ảnh hưởng (M=4,14). Trong đó, sinh viên bị ảnh hưởng bởi ngành Quản trị Khách sạn mang

lại việc làm có thu nhập cao (M=4,74), có nhiều công việc để lựa chọn mà ngành Quản trị Khách sạn mang lại (M=4,26), ngành Quản trị Khách sạn phù hợp với sở thích (M=4,05) và năng lực bản thân (M=3,98), điểm đầu vào của ngành phù hợp với khả năng bản thân (M=3,95) và ngành Quản trị Khách sạn phù hợp với tính cách cá nhân (M=3,86).

Danh tiếng trường học được sinh viên đánh giá ở đây có sức ảnh hưởng (M=3,80) đến việc học ngành Quản trị Khách sạn, trong đó sinh viên bị ảnh hưởng bởi uy tín về chương trình đào tạo ngành Quản trị Khách sạn của trường (M=3,90), chất lượng của đội ngũ giảng viên (M=3,87), danh tiếng về chương trình đào tạo ngành Quản trị Khách sạn của trường (M=3,78), năng lực của sinh viên đã và đang theo học chương trình Quản trị Khách sạn của trường (M=3,78), danh tiếng và phẩm chất của giảng viên (M=3,76), đánh giá cao của nhà tuyển dụng về bằng cấp của cơ sở đào tạo (M=3,68).

Lợi ích học tập là nhân tố được sinh viên đánh giá là có sức ảnh hưởng đến quyết định học ngành Quản trị Khách sạn ở trường CĐKG (M=3,74). Điều này thể hiện qua vị trí của cơ sở đào tạo thuận lợi (M=3,88), cơ sở đào tạo có môi trường học tập tốt (M=3,84), cơ sở hạ tầng của cơ sở đào tạo có chất lượng (M=3,66) và cơ sở vật chất, thiết bị dạy-học đảm bảo (M=3,57).

Chính sách hỗ trợ và cơ hội liên thông là nhân tố được sinh viên đánh giá là có sức ảnh hưởng đến quyết định học ngành Quản trị Khách sạn của họ (M=3,65). Trong đó, ảnh hưởng nhất là có cơ hội liên thông sau khi tốt nghiệp (M=4,01), có chính sách hỗ trợ người dân tộc thiểu số (M=3,77), có chương trình học bổng khuyến khích học tập (M=3,45) và có chương trình hỗ trợ tài chính (M=3,37).

V. KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

Việc xác định và đánh giá các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định chọn trường và ngành học rất quan trọng đối với cơ sở đào tạo. Một mặt, nó giúp việc xây dựng chiến lược và chính sách hướng nghiệp, tuyển sinh phù

hợp và đạt hiệu quả cao; mặt khác, nó giúp khẳng định vị thế và tăng sức cạnh tranh đối với các cơ sở đào tạo khác. Do đó, nghiên cứu này được thực hiện đối với ngành Quản trị Khách sạn tại Trường CĐKG. Kết quả nghiên cứu phân tích nhân tố khám phá cho thấy có bảy nhân tố ảnh hưởng đến quyết định học ngành Quản trị Khách sạn của sinh viên Trường CĐKG. Tuy nhiên, để khẳng định các nhân tố thực sự ảnh hưởng và cường độ ảnh hưởng của các nhân tố đối với quyết định học ngành Quản trị Khách sạn, chúng tôi cho rằng có 04 nhân tố ảnh hưởng đến quyết định học ngành Quản trị Khách sạn của Trường CĐKG theo thứ tự giảm dần là: “sở thích, năng lực cá nhân và cơ hội việc làm”, “đanh tiếng trường học”, “lợi ích học tập” và “chính sách hỗ trợ và liên thông”. Thông qua kết quả phân tích hồi quy, một số khuyến nghị được đề xuất nhằm thu hút người học đối với ngành Quản trị Khách sạn, Trường CĐKG trong thời gian tới như sau:

(1) *Về sở thích, năng lực cá nhân và cơ hội việc làm:* Trong các buổi tuyển sinh hoặc ngày hội tư vấn tuyển sinh tại trường, giảng viên và đội tư vấn tuyển sinh cần tư vấn rõ cho các thí sinh và gia đình về các thông tin liên quan đến ngành Quản trị Khách sạn như thời gian học, được học những gì trong quá trình học tập, nơi học tập và thực hành, thời gian và nơi thực tập, các vị trí việc làm có thể đảm nhận sau khi ra trường cũng như nơi làm việc, mức học phí (bao gồm học phí từng học kì và các mức phí phát sinh trong các học phần nghiệp vụ như nghiệp vụ nhà hàng, nghiệp vụ chế biến món ăn), cơ sở vật chất đào tạo (có các phòng thực hành nào, vật tư, thiết bị trong phòng thực hành...). Đặc biệt, tầm quan trọng của vốn ngoại ngữ (tiếng Anh), trong buổi tư vấn và phỏng vấn xét tuyển thì giảng viên của khoa đào tạo chuyên môn nên phỏng vấn một số câu hỏi tiếng Anh. Điều này được đề xuất là bởi vì ngành Quản trị Khách sạn nói riêng và du lịch nói chung là một ngành tiếp xúc đa quốc gia, tiếng Anh lại là ngôn ngữ phổ biến. Do đó, việc phỏng vấn tiếng Anh để xem vốn ngoại ngữ của thí sinh đang ở mức độ nào mà có những định hướng về tầm quan trọng của

tiếng Anh trong việc thực tập và công việc sau này. Qua đó, các thí sinh có dự định đăng kí vào ngành có thể biết được có phù hợp với năng lực, sở thích của cá nhân hay không, tránh được tình trạng trúng tuyển và nhập học được một thời gian lại thấy không phù hợp và bỏ học hoặc chuyển ngành. Bên cạnh đó, khoa phụ trách đào tạo và nhà trường cần liên kết với các doanh nghiệp nhằm tạo điều kiện để người học có nơi thực tập, thực hành thực tế cũng như có việc làm sau khi ra trường, đặc biệt là các doanh nghiệp lớn và doanh nghiệp nước ngoài trong và ngoài tỉnh.

(2) *Về danh tiếng trường học:* Tiếp tục duy trì và phát huy chất lượng cũng như danh tiếng của nhà trường thông qua chất lượng của đội ngũ giảng viên giảng dạy như thường xuyên tổ chức dự giờ để đánh giá và góp ý về phương pháp và kĩ năng giảng dạy cũng như kiến thức truyền đạt đến sinh viên; kiểm tra và đánh giá năng lực, tay nghề của giảng viên dạy các học phần về thực hành và nghiệp vụ; tạo điều kiện đưa giảng viên học tập thực tế tại doanh nghiệp để cập nhật kiến thức và nâng cao tay nghề, góp phần vận dụng những điều thực tế trong giảng dạy. Thường xuyên khảo sát ý kiến của người học và nhà tuyển dụng lao động về chương trình đào tạo và các giáo trình học tập để tăng tính phù hợp với thị trường lao động, đảm bảo chất lượng sinh viên khi ra trường đối với nhà tuyển dụng. Qua đó, góp phần đảm bảo sinh viên theo học ngành Quản trị Khách sạn tại Trường CĐKG có kết quả học tập cũng như năng lực tốt, một khi sinh viên đã và đang theo học có được kết quả tốt sẽ giới thiệu cho người thân và bạn bè về ngành học tại đây, một phương pháp quảng bá truyền miệng (mouth to mouth) hữu hiệu không tốn nhiều chi phí.

(3) *Lợi ích học tập:* Đảm bảo cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất kĩ thuật, các thiết bị dạy và học cả về số lượng và chất lượng như xây dựng thêm các phòng thực hành, đặc biệt là phòng thực hành nghiệp vụ nhà hàng; bổ sung các vật chất thiết bị, dụng cụ ở phòng thực hành đối với các nghiệp vụ nhà hàng và chế biến món ăn; rà soát, cập nhật và đổi mới các máy

móc, dụng cụ, thiết bị thực hành ở các học phần nghiệp vụ để phù hợp với sự đổi mới liên tục của các doanh nghiệp, nhằm giúp sinh viên khi thực tập và làm việc sau khi tốt nghiệp có thể hòa nhập và làm việc được tốt hơn; cải thiện và bổ sung bàn ghế, máy chiếu hoặc tivi ở các phòng học lý thuyết, trang bị thêm loa và micro đối với các phòng học lớn ở giảng đường... Đầu tư sửa chữa lại các phòng học, kí túc xá, thư viện, hội trường, văn phòng khoa chuyên môn như xử lí các nơi có tường bị rộp, ẩm, quét lại sơn, mở rộng, bố trí thêm máy tính, vị trí làm việc ở văn phòng khoa và phòng giảng viên... tạo nên sự khang trang và hiện đại. Cải tạo lại khuôn viên trường, khoa đào tạo, nhất là vấn đề vệ sinh, phát hoang các bụi cỏ và những cây không có tính thẩm mỹ, thay vào đó là chăm sóc, trồng thay thế và thêm nhiều cây xanh có tán rộng, mang giá trị thẩm mỹ, một mặt tạo môi trường xanh, thoáng mát, một mặt tạo bóng mát cho khuôn viên trường và khoa.

4) *Chính sách hỗ trợ và liên thông*: Nhà trường cần cơ cấu mức học phí phù hợp với đa số sinh viên; nhà trường và khoa chuyên môn cần phối hợp với các mạnh thường quân, nhà hảo tâm để có chính sách hỗ trợ tài chính đối với những sinh viên có hoàn cảnh khó khăn, có sổ hộ nghèo và cận nghèo như giảm học phí, có học bổng cho sinh viên có hoàn cảnh khó khăn nhưng có kết quả học tập giỏi và xuất sắc, sinh viên là người dân tộc thiểu số... Hiện nay, nhà trường chỉ có chương trình liên thông lên bậc đại học đối với ngành Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành. Do đó, nhà trường, khoa và các phòng ban có liên quan cần phối hợp với các cơ sở bạn để xây dựng chương trình liên thông đối với ngành Quản trị Khách sạn ở bậc đại học, việc này có thể chia làm hai hướng: một là dành cho ngành đúng là ngành Quản trị Khách sạn; hai là liệt kê vào danh sách ngành gần để học liên thông lên ngành Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành, ngành Việt Nam học (chuyên ngành Hướng dẫn viên du lịch), ngành Quản trị Nhà hàng và Dịch vụ ăn uống... nhằm đáp ứng nhu cầu của một số sinh viên sau khi ra trường muốn học ở cấp bậc cao hơn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Chapman DW. A model of student college choice. *The Journal of Higher Education*. 1981;52(5):490–505.
- [2] Cabrera FA, La Nasa MT. Understanding the College-Choice Process. *New Directions for Institutional Research*. 2000;107:5–22.
- [3] Burns JM. *Factors influencing the college choice of African – American student admitted to the college of agriculture, food and natural resource* [Master thesis]. University of Missouri; 2006.
- [4] Trần Văn Quý, Cao Hào Thi. Các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định chọn trường đại học của học sinh phổ thông trung học. *Tạp chí Phát triển Khoa học và Công nghệ*. 2009;12(15):87–102.
- [5] Lưu Thị Thái Tâm, Châu Sôryaly, Châu Khon. Các yếu tố tác động đến quyết định chọn trường đại học của học sinh lớp 12 tại thành phố Long Xuyên, An Giang. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học An Giang*. 2017;13(1):88–100.
- [6] Nguyễn Thị Lan Hương. *Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến công cơ chọn ngành Quản trị Doanh nghiệp của sinh viên Trường Cao đẳng Kinh tế – Kế hoạch Đà Nẵng* [Luận văn Thạc sĩ]. Trường Đại học Đà Nẵng; 2012.
- [7] Lê Thị Thanh. *Đánh giá các yếu tố ảnh hưởng đến sự lựa chọn ngành nghề của sinh viên hệ cao đẳng – Trường Cao đẳng Nghề Công nghiệp Hà Nội* [Luận văn Thạc sĩ]. Trường Đại học Quốc gia Hà Nội; 2013.
- [8] Lê Thị Minh Trúc. *Một số yếu tố ảnh hưởng đến việc chọn học ngành Nông Lâm Ngư nghiệp – Trường Đại học Nông Lâm Thành phố Hồ Chí Minh* [Luận văn Thạc sĩ]. Trường Đại học Quốc gia Hà Nội; 2014.
- [9] Phan Thị Thanh Thủy, Nguyễn Thị Minh Hòa. Các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định chọn theo học chương trình đào tạo có yếu tố nước ngoài ở Trường Đại học Kinh tế, Đại học Huế. *Tạp chí Khoa học-Đại học Huế*. 2017;126:29–42.
- [10] Hoàng Trọng, Chu Nguyễn Mộng Ngọc. *Phân tích dữ liệu với SPSS (Tập 2)*. Thành phố Hồ Chí Minh: Nhà Xuất bản Hồng Đức; 2008.
- [11] Nguyễn Đình Thọ. *Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh*. Hà Nội: Nhà Xuất bản Lao động-Xã hội; 2011.
- [12] Lê Văn Huy, Trương Trần Trâm Anh. *Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh*. Thành phố Hồ Chí Minh: Nhà Xuất bản Tài chính; 2012.
- [13] Hoàng Trọng, Chu Nguyễn Mộng Ngọc. *Phân tích dữ liệu với SPSS (Tập 1)*. Thành phố Hồ Chí Minh: Nhà Xuất bản Hồng Đức; 2008.
- [14] Đinh Phi Hồ. *Phương pháp nghiên cứu định lượng & những nghiên cứu thực tiễn trong kinh tế phát triển – nông nghiệp*. Thành phố Hồ Chí Minh: Nhà Xuất bản Phương Đông; 2012.
- [15] Hair JF, Tatham RL, Anderson RE, Black W. *Multi-variate Data Analysis*. 5th ed. New Jersey: Prentice-Hall; 1998.